LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, các doanh nghiệp phải giám sát từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng, từ khi tìm nguồn thu mua nguyên liệu, đến khi tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm. Để đảm bảo cho việc an toàn tăng tốc chu chuyển vốn, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, cải thiện đời sống lao động và có lợi nhuận để mở rộng sản xuất. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, mọi yếu tố liên quan đến sản xuất kinh doanh.

Hạch toán kế toán là công cụ không thể thiếu khi tiến hành các hoạt động kinh tế, kiểm tra và sử dụng tài sản vật tư tiền vốn, đồng thời bảo đảm hiệu quả sản xuất. Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 luôn chú trọng công tác hạch toán, kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện và đạt hiệu quả tốt nhất.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1”.**

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.Vài nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:

1.1. Doanh thu:

1.1.1. Khái niệm:

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14).

1.1.2.Điều kiện ghi nhận doanh thu :

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.3. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu :

1.1.3.1. Các loại doanh thu :

**** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

* ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ:*** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ

giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

∗ ***Doanh thu hoạt động tài chính:*** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tìa chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.3.2.Các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu :

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

  + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
  + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giáo thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

1.1.4. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp :

Trong điều kiện kinh doanh hôm nay, để đẩy mạnh bán ra thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

∗ ***Chiết khấu thương mại:***

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "Hoá đơn GTGT" hoặc "Hoá đơn bán hàng" lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán

∗ ***Giảm giá hàng bán:*** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách … đã ghi trong hợp đồng.

∗ ***Giá trị hàng bán bị trả lại***

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

∗ ***Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng(GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:*** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp :

1.2.1.Khái niệm : Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.2.2. Các loại chi phí :

∗ ***Giá vốn hàng bán:*** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

∗ ***Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp :***

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,… Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,…

+ Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong qúa trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định…dùng cho bộ phậ bán hàng.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc…

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,…

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sữa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu…

+ Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho KH.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN): Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:

+ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

+ Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý của doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sử chữa tài sản cố địn, công cụ, dụng cụ,...(Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

+ Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

+ Thuế, phí và lệ phí: Các chi phí về thuế, phí và lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác….

+ Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ

thuật, bằng sáng chế...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác; Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

∗ ***Chi phí hoạt động tài chính:*** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán…. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ….

∗ ***Chi phí khác:*** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác….

∗ ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

+ Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
+ Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp :

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chệnh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt độngkinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính; Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :

2.1.Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doang nghiệp :

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử

lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

2.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo.
- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán,...
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường

xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

3. <u>Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp</u> :

3.1.Kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu :

3.1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập :

∗ ***Chứng từ sử dụng:***

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho….

∗ ***Tài khoản sử dụng.***

- ***Tài khoản 511: "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

<u>Bên nợ:</u>

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
+ Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
+ Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
+ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
+ Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
+ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
+ Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
+ Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

- ***Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ"***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512

Bên nợ:

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;
+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Bên có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá.

+ Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm;

+ Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ;

* ***Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

***Sơ đồ 1.1**: Kế toán các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ*

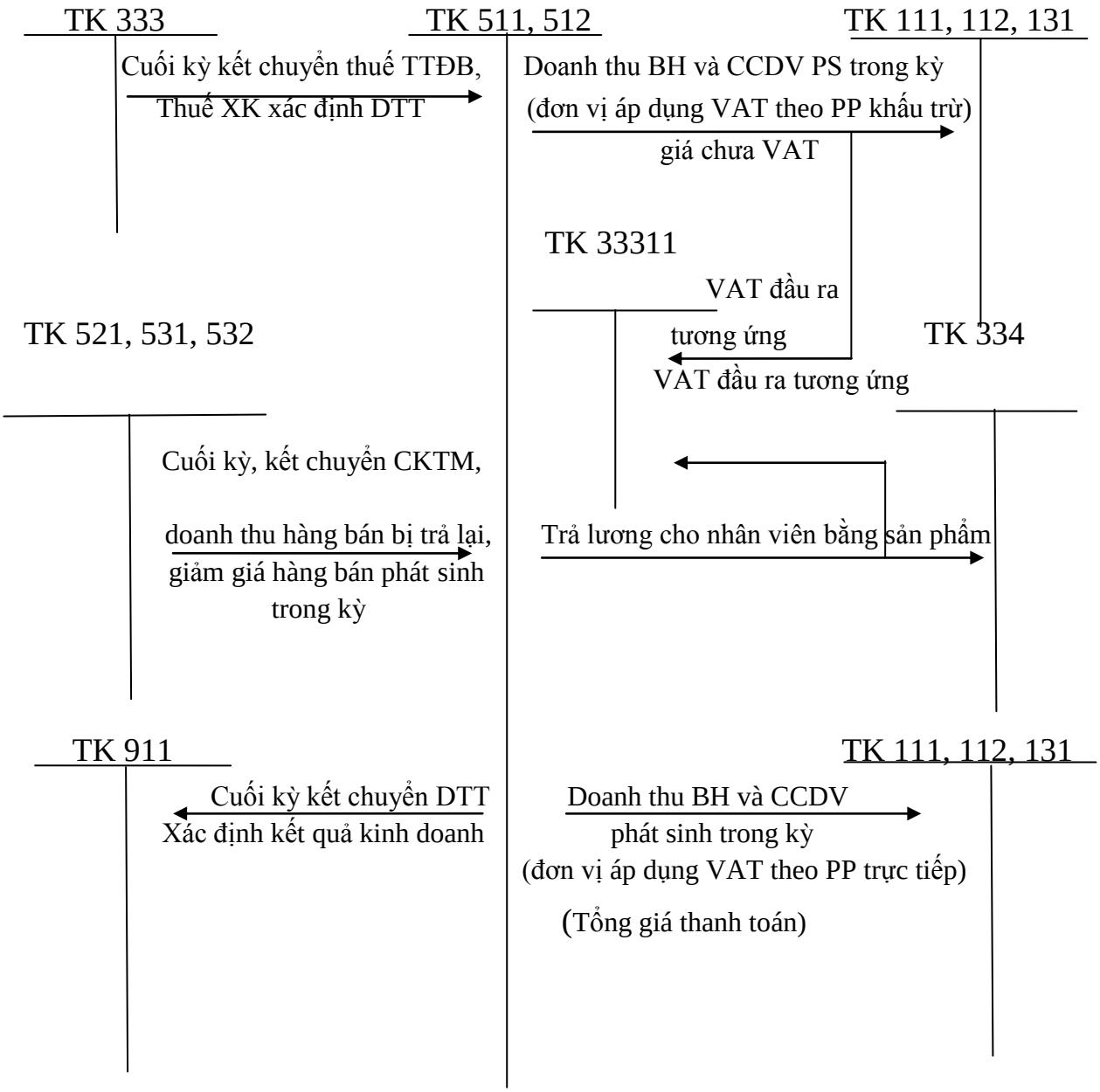

3.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu :

* ***Chứng từ sử dụng.***

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của nhân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại …

* ***Tài khoản sử dụng***

- ***Tài khoản 521 "chiết khấu thương mại"(CKTM):*** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 "doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

- ***Tài khoản 531 "hàng bán bị trả lại":*** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thucủa khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- ***Tài khoản 532 "giảm giá hàng bán":*** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512;

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu. Sử dụng các tài khoản sau:

+ Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

* ***Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu;***

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2*: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

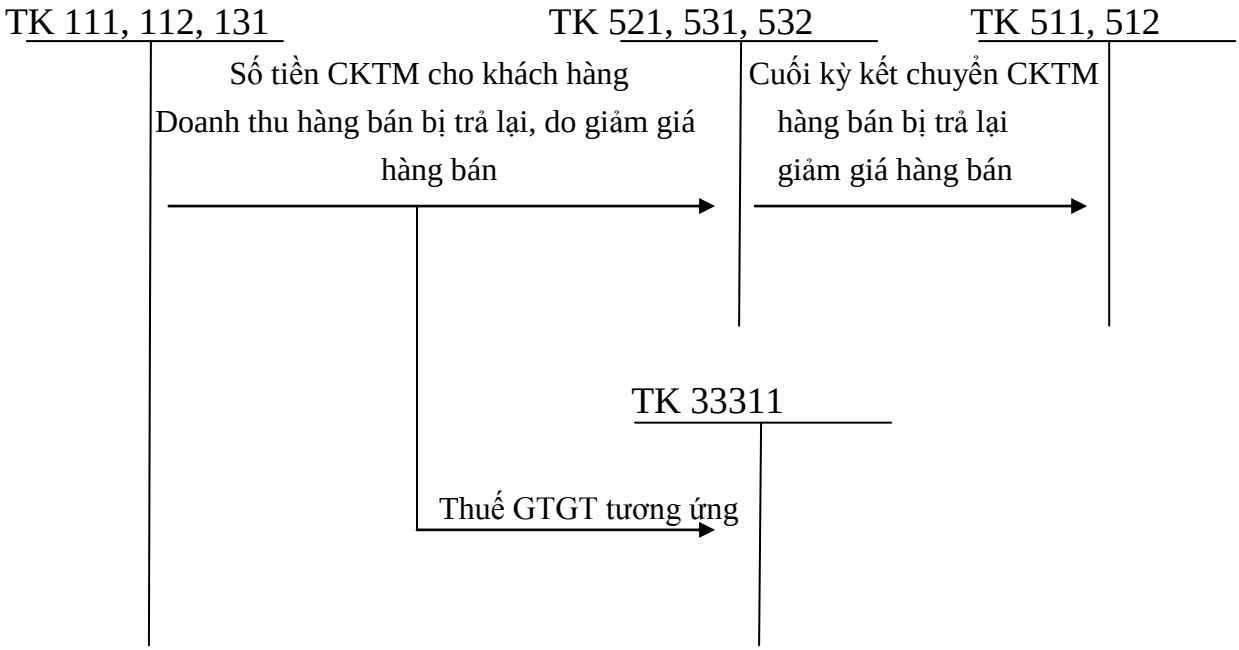

3.2.Kế toán chi phí :

3.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán :

∗ ***Chứng từ sử dụng:***

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hàng hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào số chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

∗ ***Tài khoản sử dụng:***

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Nội dung kết cấu của tài khoản

Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán": Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ

- Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên nợ:

+ Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
+ Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

+ Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ;
+ Kết chuyển giá vốn hàng hoá vào bên nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

+ Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155,156, 157, 159, 911
- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thương xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

***Sơ đồ 1.3**: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên*

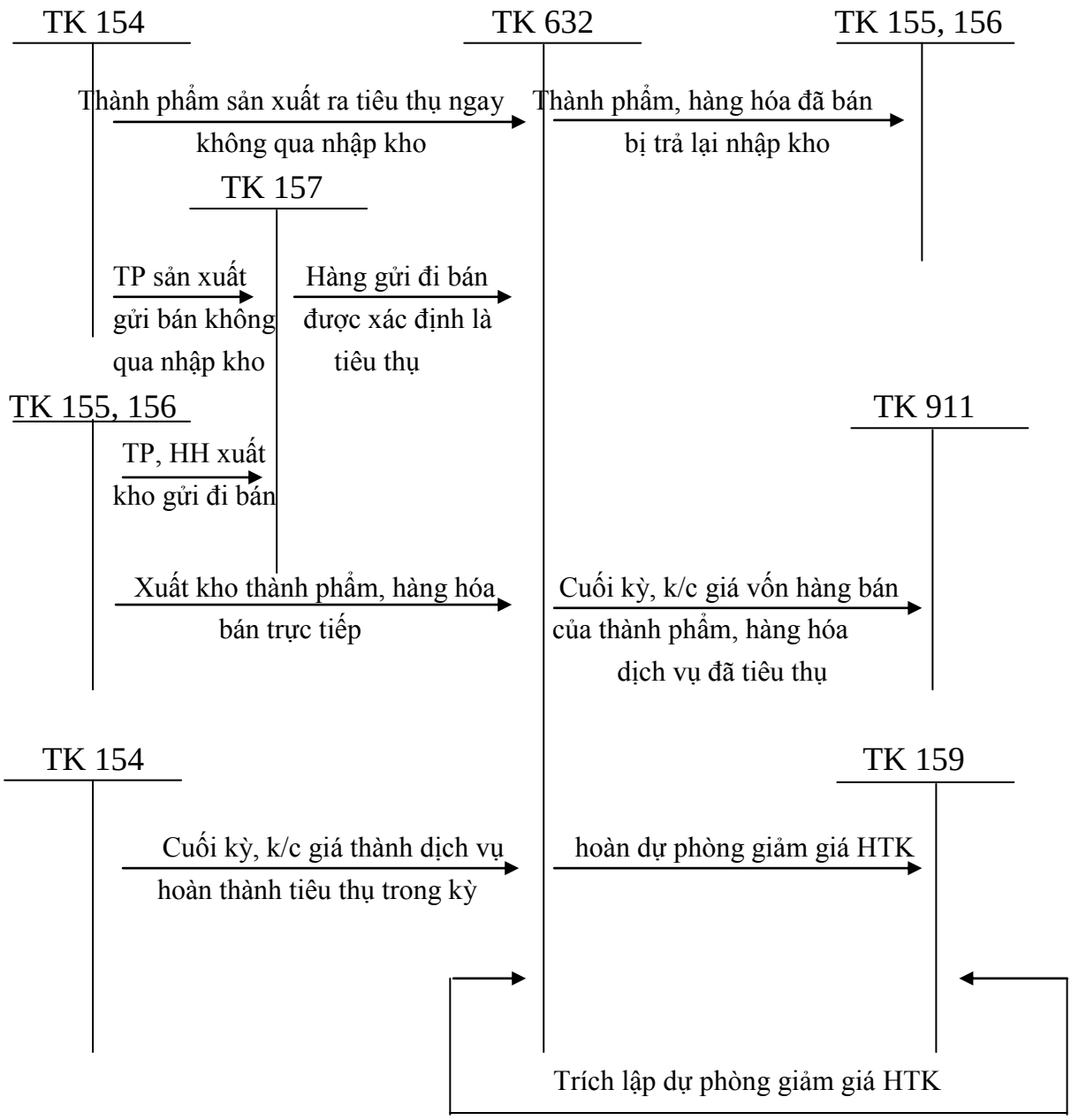

b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 "mua hàng": tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hoá tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu
+ Tài khoản 6112: mua hàng hoá;

Tài khoản 631: "giá thành sản xuất".

- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: *Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

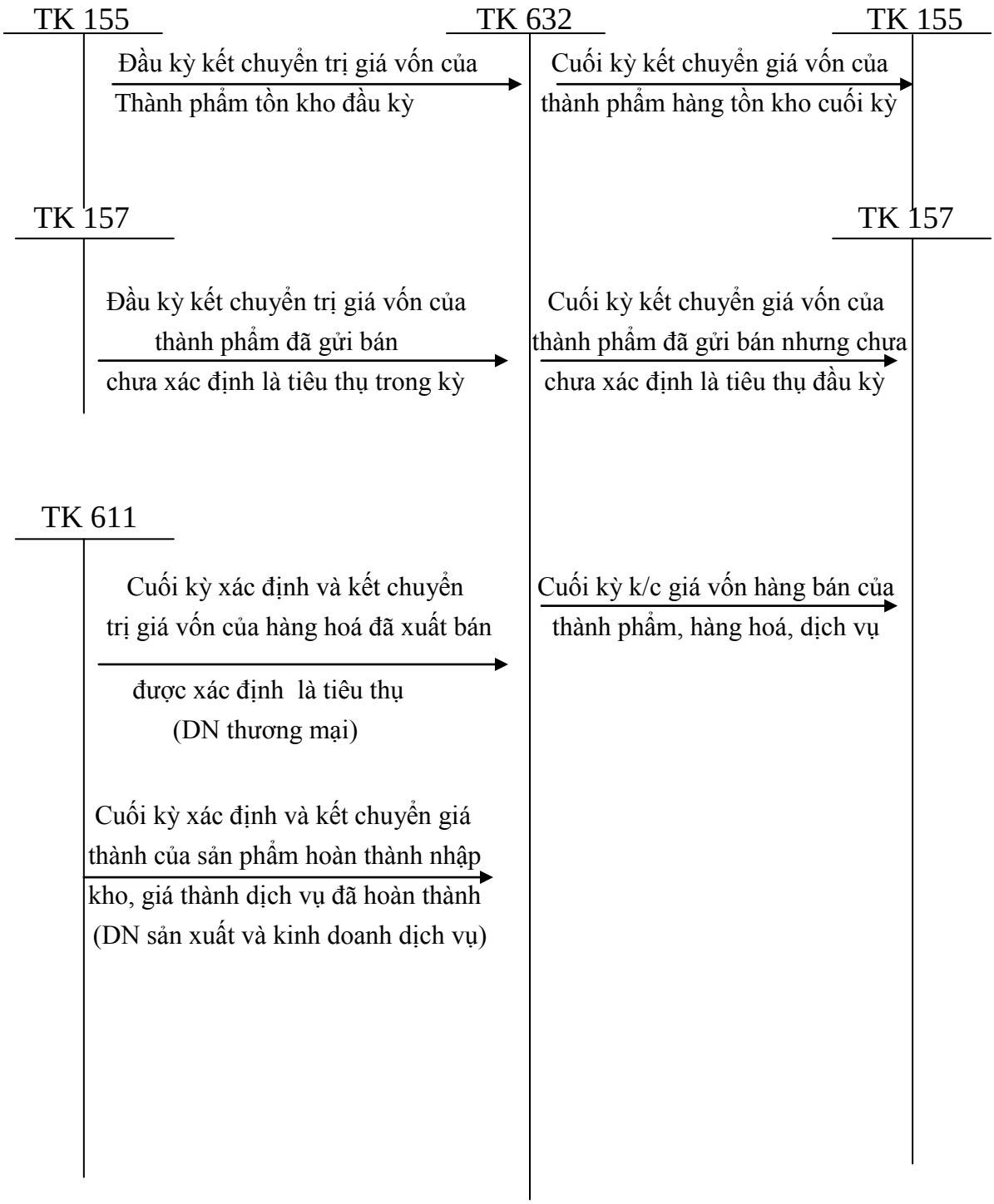

3.2.2.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp :

∗ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng;

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641, 642…phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ.Trường hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142(1422 "chi phí chờ kết chuyển" số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau có doanh thu.

∗ Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 641

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá dịch vụ

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
+ Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
+ Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
+ Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
+ Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
+ Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
+ Tài khoản 6418; Chi phí bằng tiền khác

∗ Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 642:

Bên nợ:

+ Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ kế toán
+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
+ Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên có:

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
+ Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;
+ Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
+ Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
+ Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
+ Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
+ Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
+ Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;

∗ Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

***Sơ đồ 1.5**: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

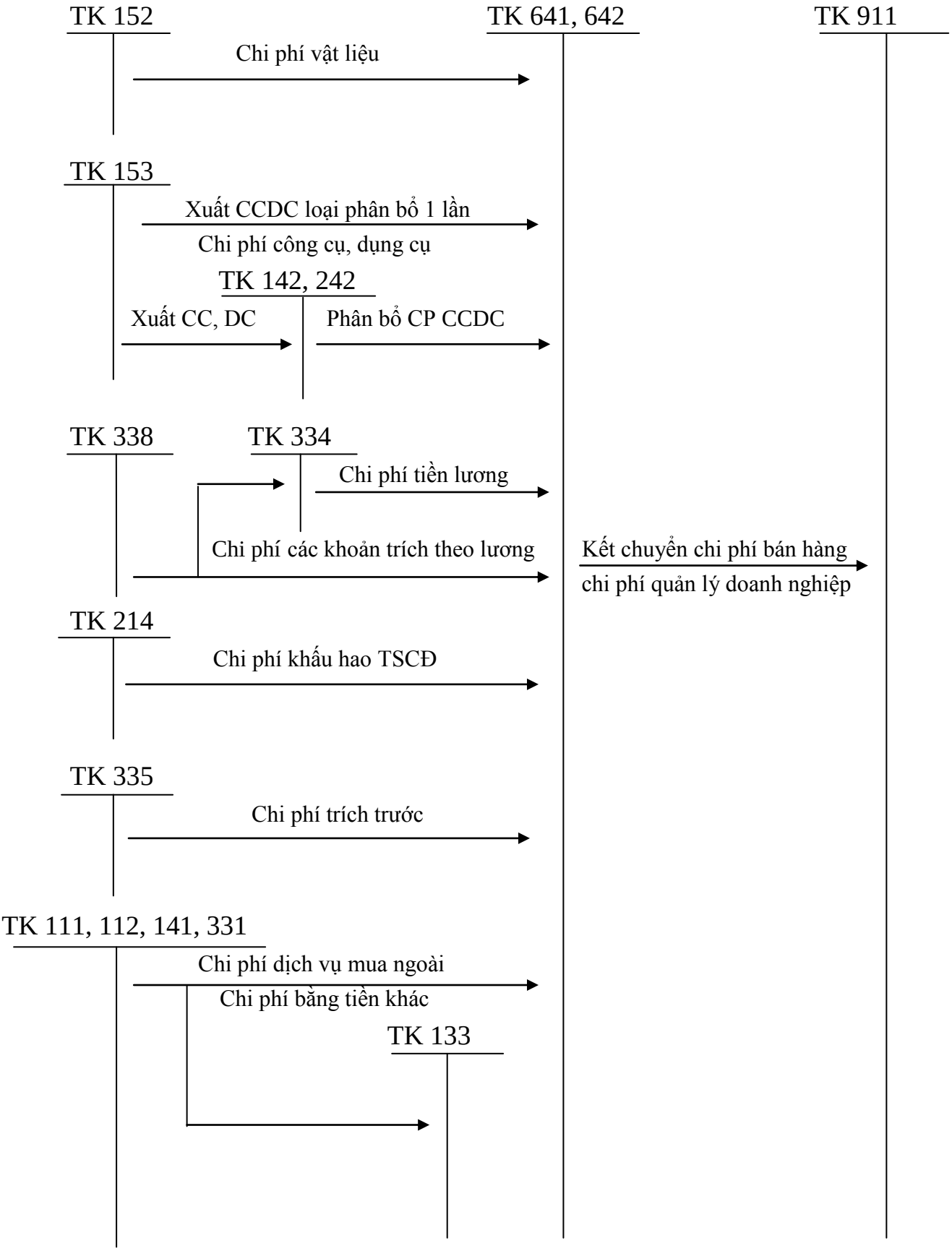

3.3.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính :

∗ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

∗ Tài khoản sử dụng

- ***Tài khoản 515(Doanh thu tài chính):*** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- ***Nội dung kết cấu tài khoản 515:***

Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
+ Chiết khấu thanh toán được hưởng;
+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;

Tài khoản 515 không có số dư;

- ***Tài khoản 635(Chi phí tài chính):*** tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.
- ***Nội dung kết cấu tài khoản 635:***

Bên nợ:

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
+ Lỗ bán ngoại tệ;
+ Chiết khấu thanh toán cho người mua;
+ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
+ Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
+ Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

Bên có:

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;

∗ Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

***Sơ đồ 1.6**: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính*

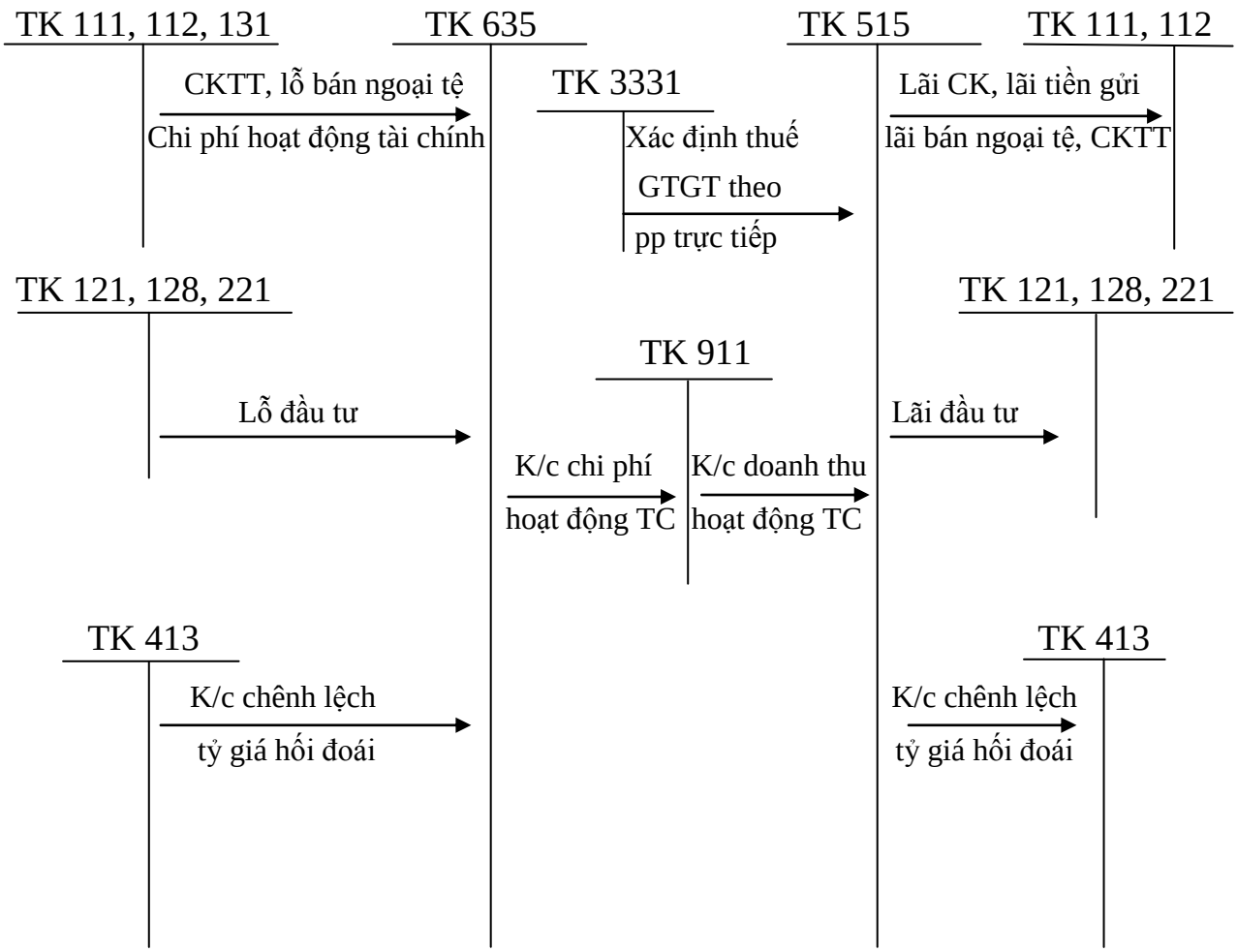

3.4.Kế toán hoạt động thu nhập khác và chi phí khác :

∗ Chứng từ sử dụng :

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng…
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế…

∗ Tài khoản sử dụng

- ***Tài khoản 711(Thu nhập khác)***

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
+ Cuối kỳ kế toán quyết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- ***Tài khoản 811(Chi phí khác): Nội dung kết cấu tài khoản 811***

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911"Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

∗ Phương pháp hạch toán :

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

***Sơ đồ 1.7**: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác*

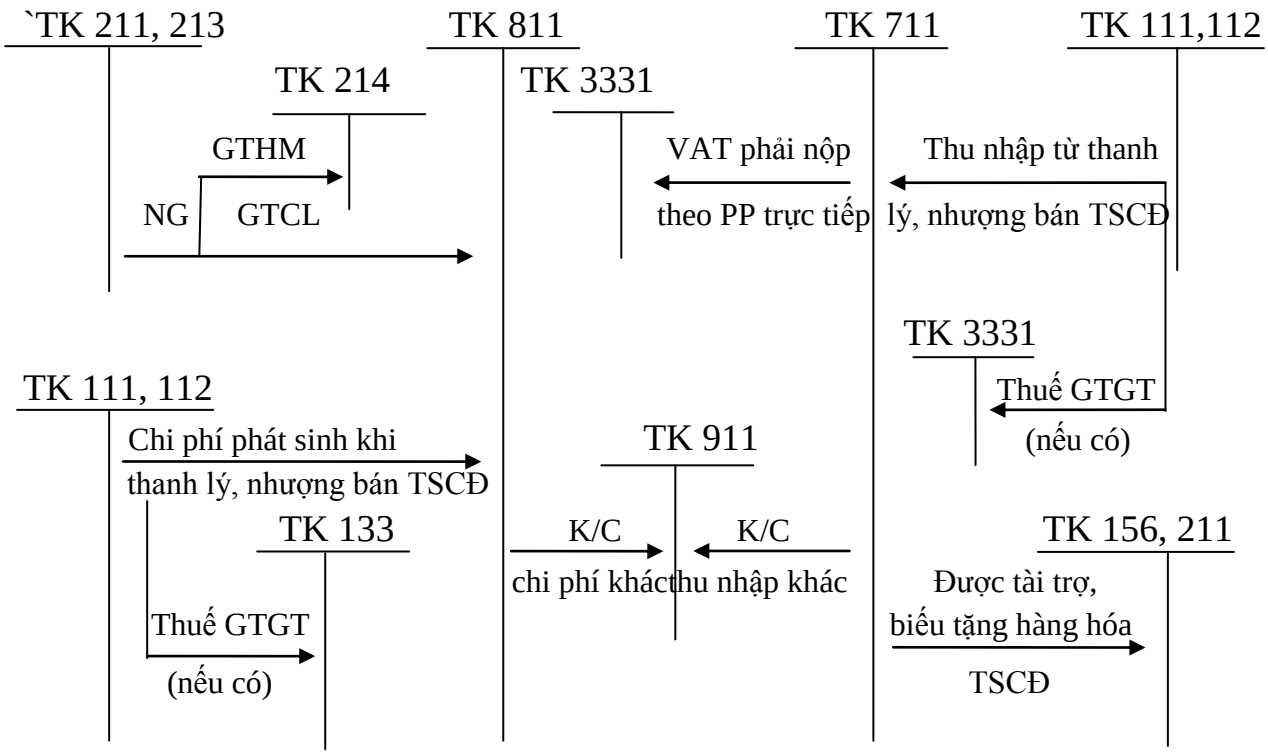

3.5.Kế toán xác định kết quả kinh doanh :

∗ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

∗ Tài khoản sử dụng :

- ***Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh":*** Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- **Nội dung kết cấu tài khoản 911 :**

Bên nợ:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
+ Kết chuyển lãi;

Bên có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
+ Kết chuyển lỗ;

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- **Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	Chi phí bán hàng

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

+ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
+ Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

+ Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421(Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 "Lợi nhuận chưa phân phối năm nay" sang TK 4211 "Lợi nhuận chưa phân phối năm trước".
+ *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay:* Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

**** Phương pháp hạch toán***

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: *Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh*

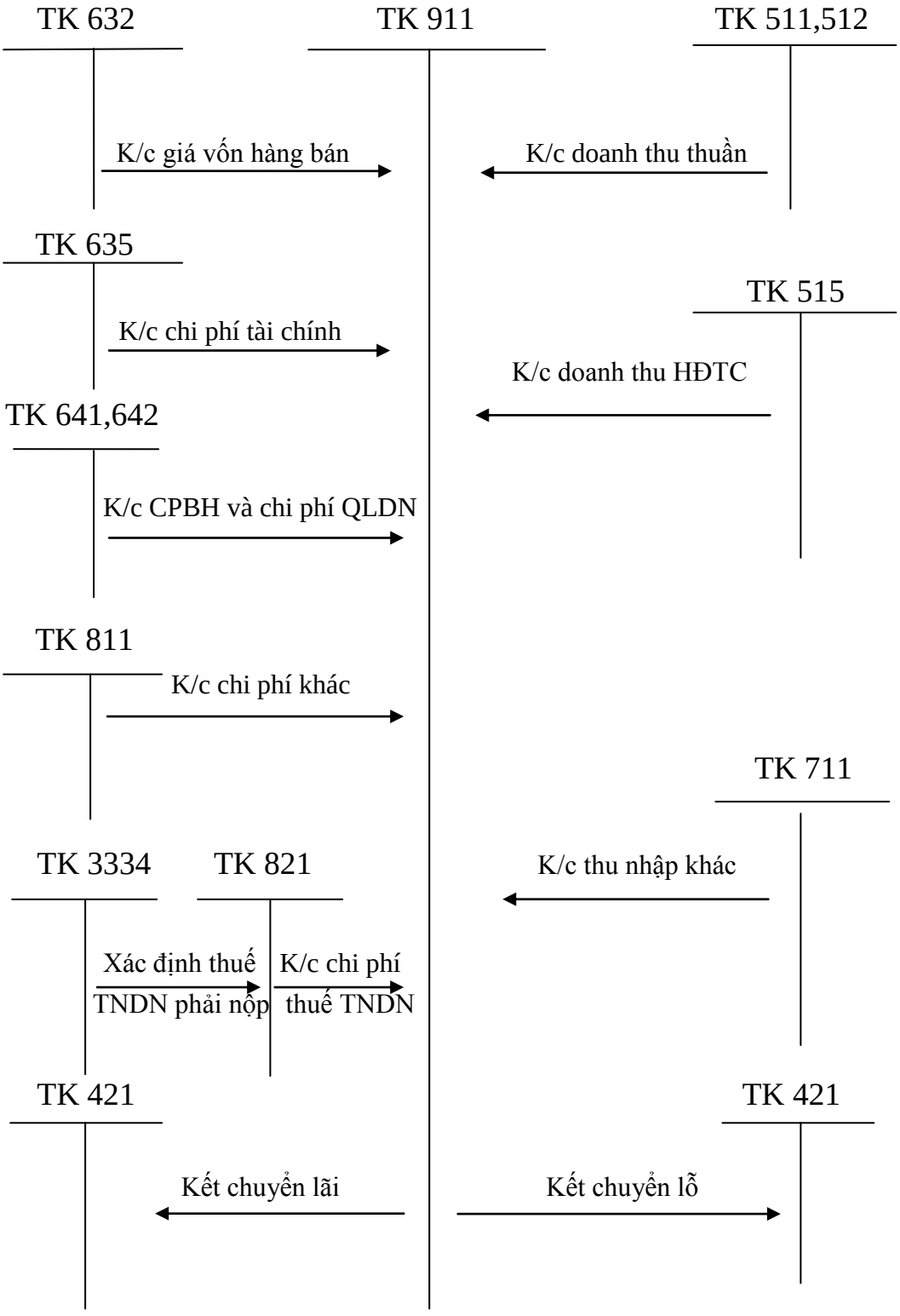

- **TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
+ Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
+ Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh";
+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 821 - "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821(Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) có 2 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*
+ *Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Sơ đồ 1.9: *Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.*

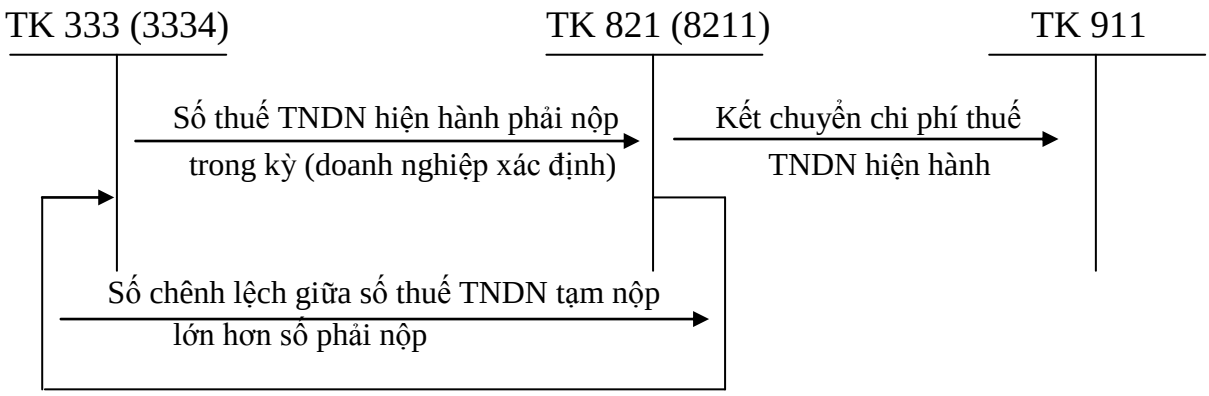

Sơ đồ 1.10: *Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.*

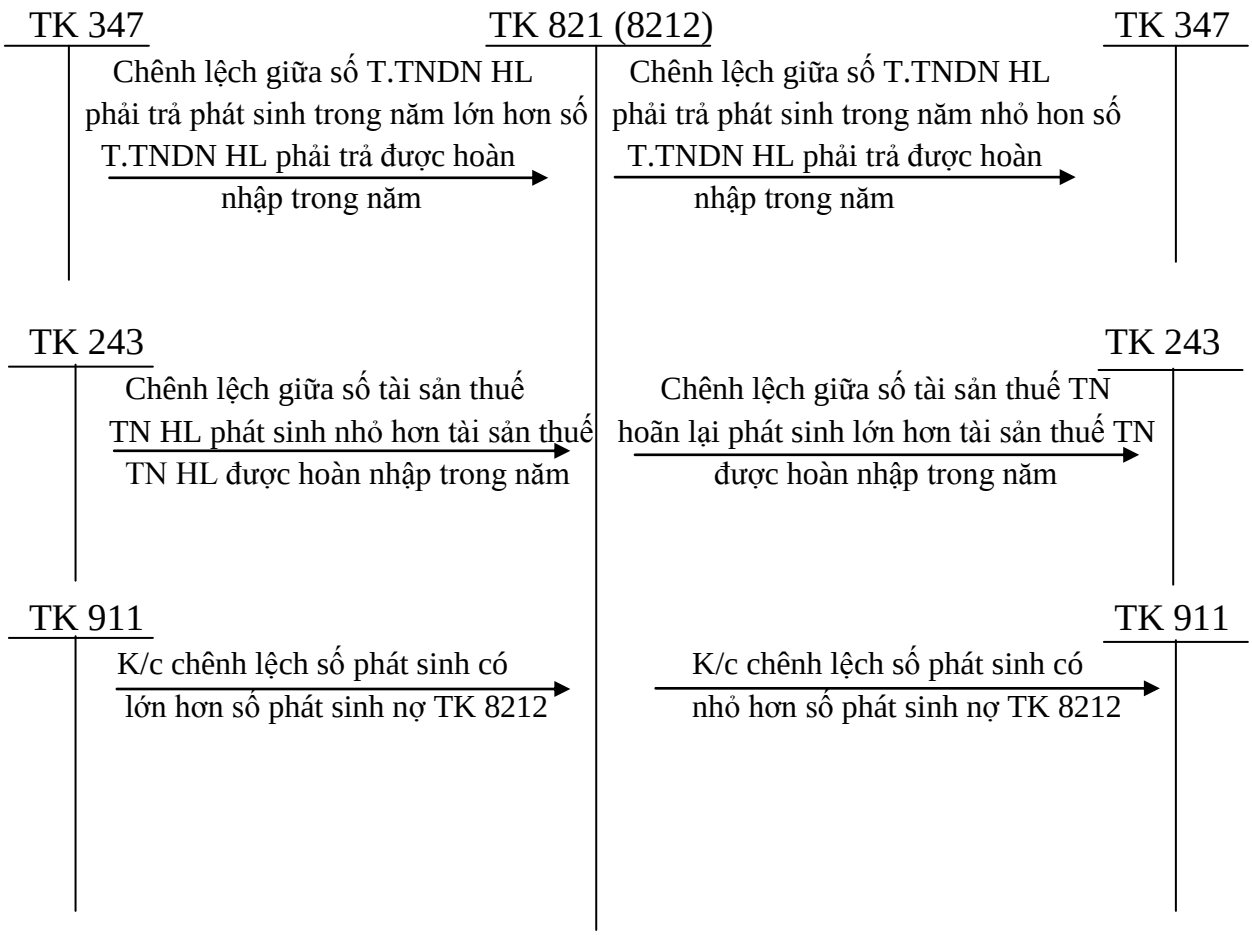

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ VẬT TƯ KỸ THUẬT SỐ 1

2.1. Khái quát chung về công ty :

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200581513 ngày 01 tháng 04 năm 2004.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Tên giao dịch: Technical material sercvice and trading joint stock company - $N^0$1.

* Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Lê Lợi - phường Gia Viên - quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

* Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh và dịch vụ hàng kim khí, thứ liệu, phế liệu, vật tư, máy móc, phương tiện vận tải, hàng dân dụng, vật liệu xây dựng, ô tô, xe máy.

- Kinh doanh, dịch vụ, sản xuất, gia công các sản phẩm và bán thành phẩm hàng kim khí, hóa chất (trừ hóa chất độc hại), thiết bị, phụ tùng, điện tử, điện lạnh, điện máy.

- Dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ giao nhận hàng hóa

- Xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa thủy, bộ.

* Vốn điều lệ: 5.400.000.000 đồng

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty :

- Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 là đơn vị hoạt động tập trung vào thương mại và dịch vụ.

- Công ty đi chuyên sâu, khai thác ở mảng vật tư kỹ thuật là chủ yếu,đặc biệt là hàng kim khí và hóa chất.

- Trong quá trình hoạt động mua bán, chủ yếu sử dụng các dịch vụ sẵn có như thuê kho bãi, vận chuyển, bốc xếp hàng hóa chứ ko đầu tư vào mua sắm thiết bị, xây dựng kho bãi.

- Triệt để tận dụng các phương án giao nhận thẳng hàng hoá, ko qua lưu kho để giảm chi phí.

2.1.3.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý :

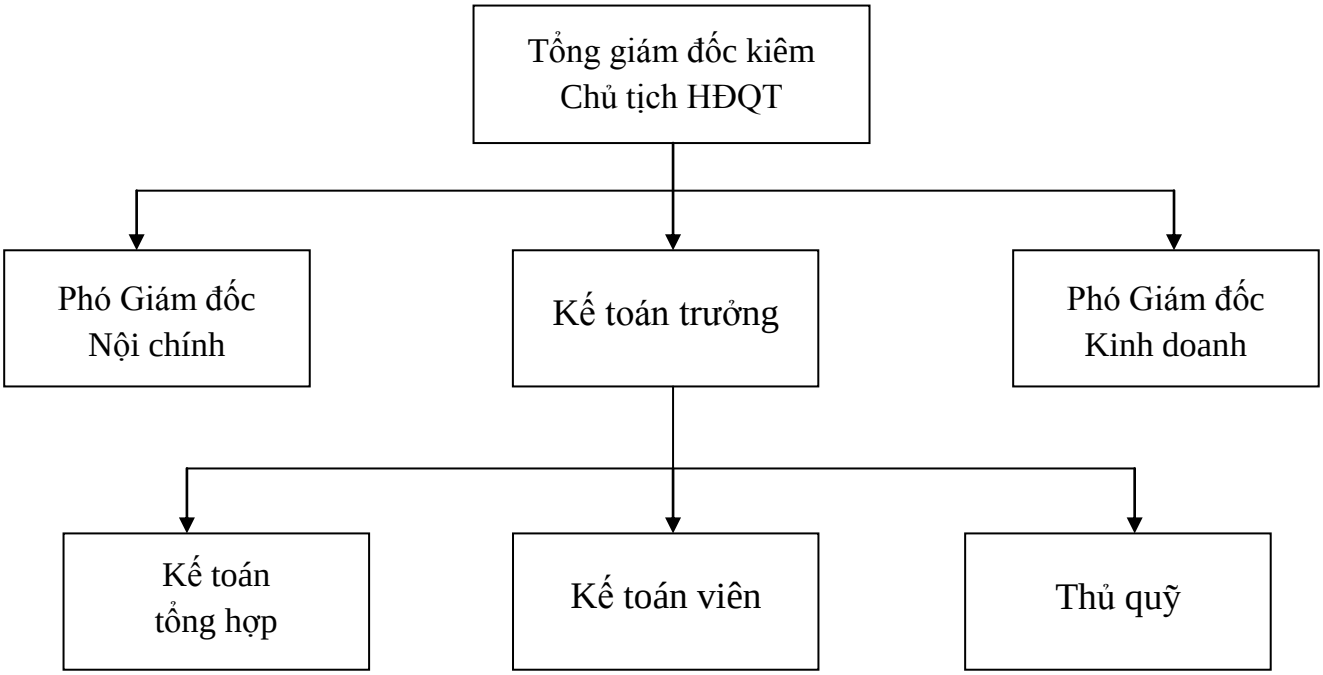

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

* *Chức năng, nhiệm vu của từng bộ phận :*

- Tổng giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng quản trị : là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc kinh doanh : Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty, trực tiếp chỉ đạo các bộ phận sản xuất kinh doanh.

- Phó giám đốc nội chính : chịu trách nhiệm về các hoạt động nội bộ trong công ty.

2.1.4.Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty :

2.1.4.1.Tổ chức bộ máy kế toán :

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là ***phòng tài chính kế toán.*** Trong phòng kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, làm báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán tại công ty.

∗ Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung

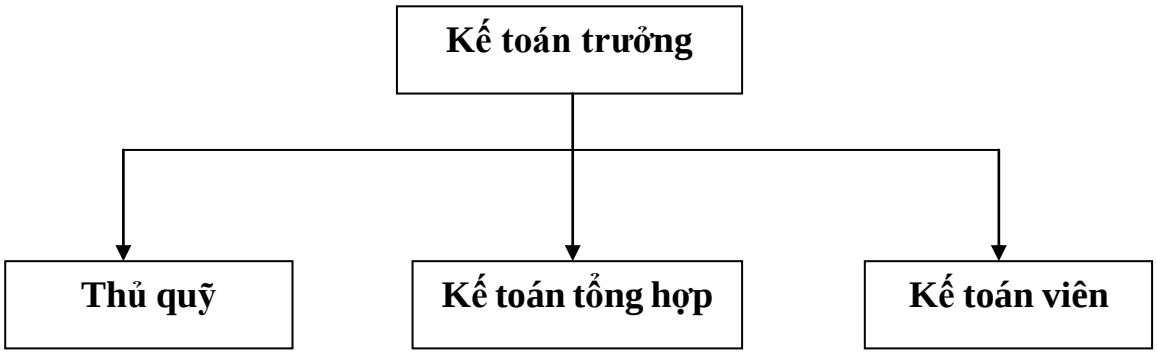

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Trong đó :

- Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán trưởng có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của Công ty bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Thường xuyên tham mưu, giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị từ đó đề ra biện pháp xử lý.

- Kế toán tổng hợp: Có các nhiệm vụ sau:

+ Kiểm tra, đối chiếu số liệu nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp.

+ Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp.

+ Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao tài sản cố định, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế.

+ Lập báo cáo Tài chính theo từng quý, năm và các báo cáo giải trình cần thiết.

- Kế toán viên: Chịu trách nhiệm cập nhập số liệu hàng ngày, thu thập đủ chứng từ tháng để làm báo cáo, quyết toán thuế.

- Thủ quỹ: Giữ tiền và các khoản tương đương tiền, nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan; lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt.

2.1.4.2.Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty :

∗ **Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty TNHH thương mại Nam Việt tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

∗ **Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty TNHH thương mại Nam Việt tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

∗ **Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1**

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: ***Nhật ký chung.***

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước sau:

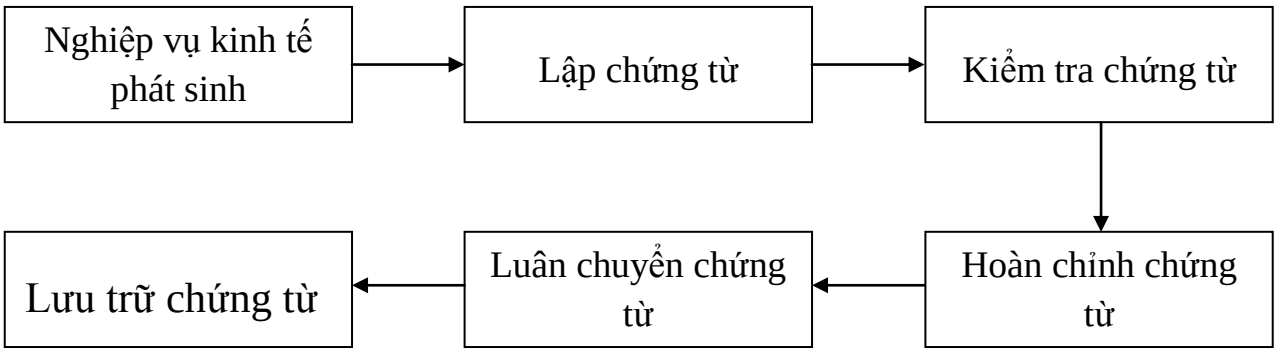

Sơ đồ 2.3. Chu trình kế toán tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

- *Kiểm tra chứng từ:* Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- *Hoàn chỉnh chứng từ:* Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất…tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- *Luân chuyển chứng từ:* Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác
- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán ***Nhật ký chung*** là tất cả các nghiệp vị kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG

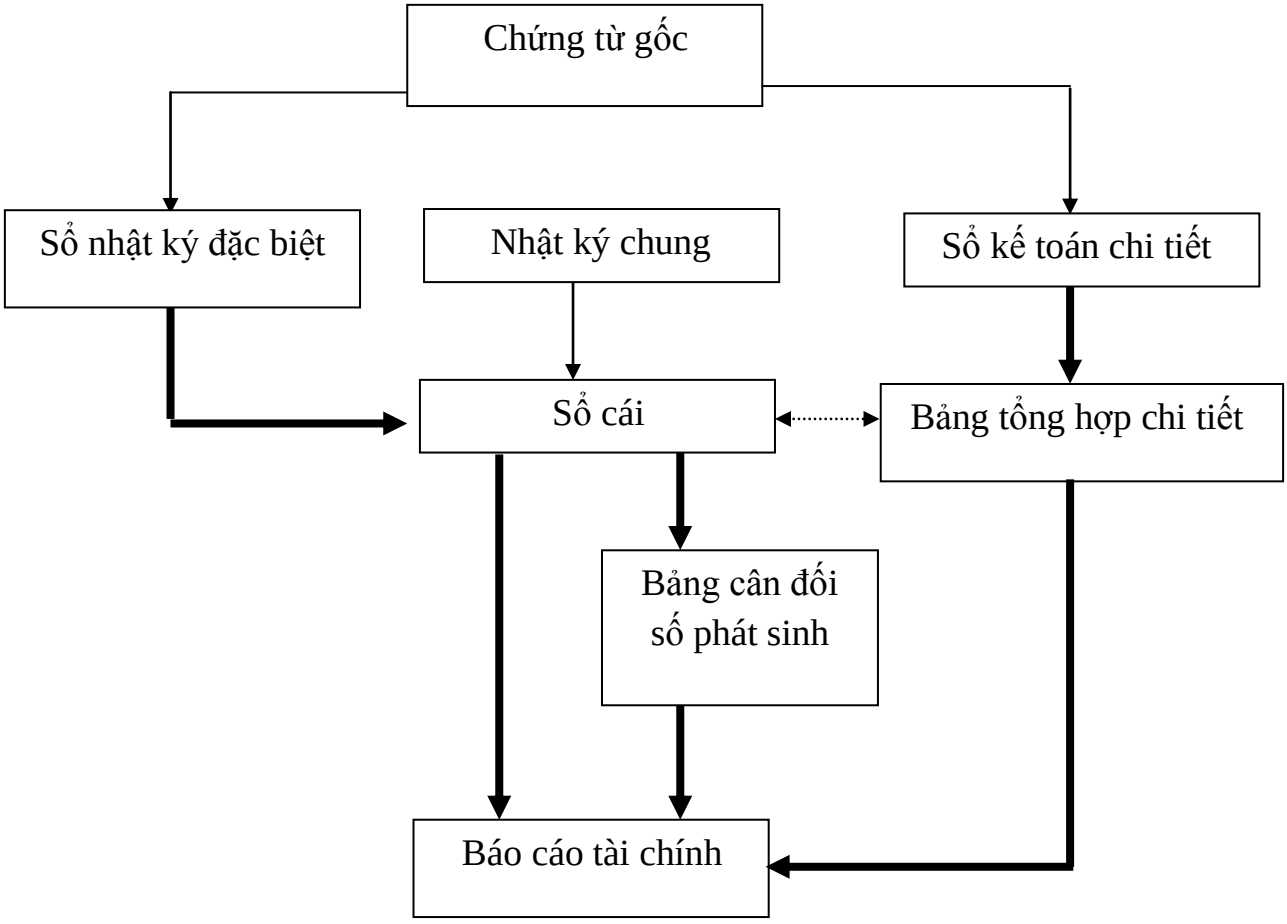

Ghi chú:

Ghi hằng ngày (định kỳ)

Ghi định kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

*** Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Cục thuế thành phố Hải Phòng.
- Công ty nhận hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiển kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:

- Bảng cân đối kế toán(Mẫu B01-DN)
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh(Mẫu B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(Mẫu B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính. (Mẫu B04-DN)

2.2.Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.1.Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

∗ Nội dung doanh thu tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1:

- Doanh thu chủ yếu của công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 là từ việc cung cấp các loại hàng kim khí và hóa chất cho các cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
- Phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu:
  + Phương thức bán lẻ: cửa hàng sẽ giao hàng tới các khách hàng mua với số lượng ít và thông thường đó là những khách hàng vãng lai.
  + Phương thức bán buôn: Với phương thức này, hàng với số lượng lớn sẽ được giao thẳng tại nhà máy, cảng hoặc chở đến tận nơi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phương thức thanh toán:
  + Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyển hoá đơn.

+ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.

+ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

+ Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản bàn giao
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ cái, sổ chi tiết doanh thu

Tài khoản sử dụng:

- TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra
- TK 131 : Phải thu khách hàng
- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 2.5.Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

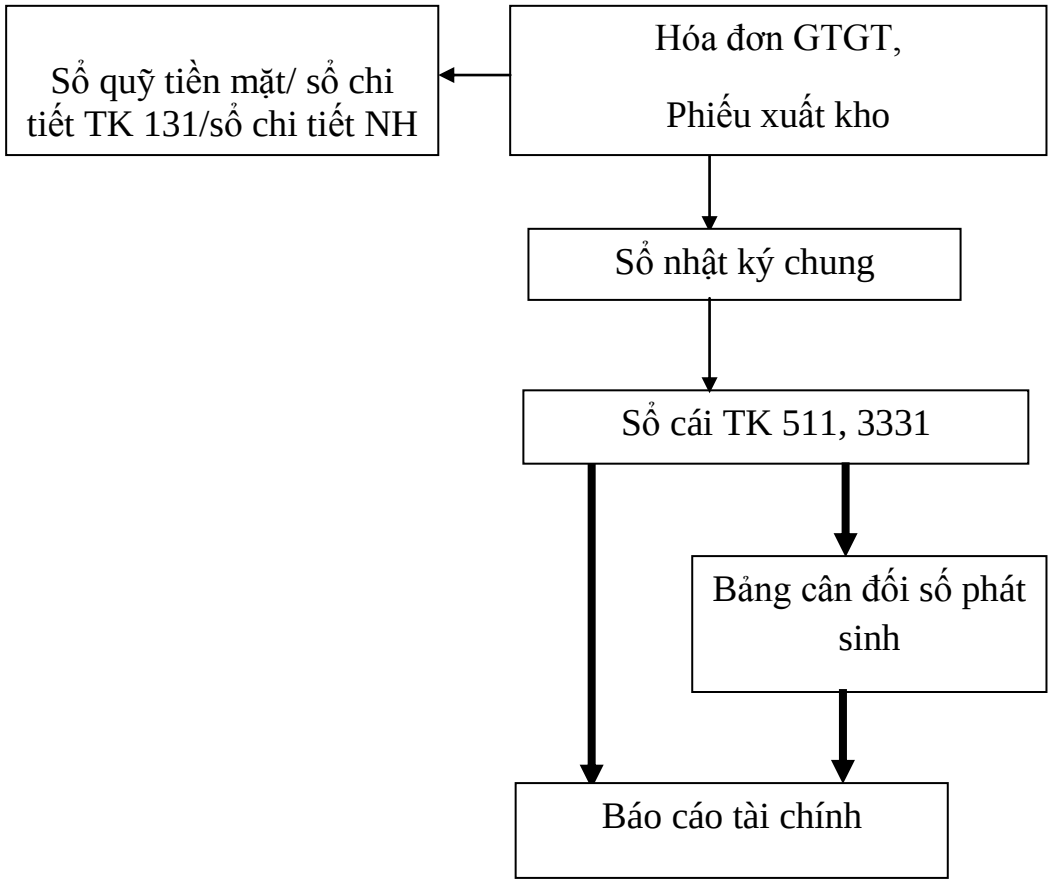

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

*** Ví dụ 1 :** Ngày 09 tháng 12 năm 2010, bán 17.450 kg thép lá kiện cho công ty Cổ phần cơ khí Sơn La. Tổng giá trị hàng bán chưa có thuế là 239.540.861 (thuế suất 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết hóa đơn GTGT ký hiệu HV/2010B số 0098850. Kế toán vào sổ chi tiết TK 131 để phản ánh số tiền bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 3331 theo định khoản sau :

Nợ TK 131 : 263.494.947

Có TK 511 : 239.540.861

Có TK 3331: 23.954.947

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **Liên 1 : Lưu** *Ngày 09 tháng 12 năm 2010*	Mẫu số: 01 GTKT-3LL HV/2010B 0098850

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: Số 10B Chợ Con, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:……

Điện thoại:…… MS: 0 2 0 0 5 8 1 5 1 3

Họ tên người mua hàng:……..

Tên đơn vị: Công ty CP cơ khí Sơn La

Địa chỉ: Khu CN phường Chiềng Sinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

Số tài khoản:……

Hình thức thanh toán: TM. MS: 5 5 0 0 1 5 4 6 1 7 - - -

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
	Thép lá kiện	kg	17.450	13.727,27	239.540.861
Cộng tiền hàng					239.540.861
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					23.954.086
Tổng cộng tiền thanh toán					**263.494.947**
Số viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng chẵn./					

Người mua hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Người bán hàng *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Thủ trưởng đơn vị *(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1
Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	có
1/12	PC1/12	1/12	Trả tiền thay dầu, lọc dầu			642 133 111	680.000 68.000	 748.000
3/12	92763	03/12	Mua hàng của công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			156 331	363.120.109	 363.120.109
7/12			Trả cty Xuân Hòa bằng TGNH			331 112	121.415.571	 121.415.571
9/12	98850	16/12	Giá vốn hàng bán cho cty CP cơ khí Sơn La			632 156	215.744.820	 215.744.820
			Bán cho cty CP cơ khí Sơn La			**131 511 3331**	**263.494.947**	 **239.540.861 23.954.086**
10/12	PT4/12	10/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt			111 112	50.000.000	 50.000.000
…	…	…	…			…	…	…
13/12			Cty TLC trả nợ bằng TGNH			112 131	150.000.000	 150.000.000
23/12		23/12	Giá vốn bán cho cty CP thép Sao Biển			632 156	454.143.600	 454.143.600
23/12	98868	23/12	Doanh thu bán cho cty CP thép Sao Biển			131 511 3331	500.081.071	 454.619.156 45.461.915

…	…	…	…			…	…	…
31/12			Lãi tiền gửi VNĐ			112 515	4.239.739	 4.239.739
31/12	PC25/12	31/12	Trả lương CNV			334 111	55.700.000	 55.700.000
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Sổ này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.3

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính : đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh					
….	…..	…….	…….	…….	……	…..	……	……
9/12	98850	16/12	Bán cho Công ty CP cơ khí Sơn La			131		263.494.947
….	…..	…….	…….	…….	……	…..	……	……
31/12			Kết chuyển			911	7.843.230.454	
			Cộng SPS				**7.843.230.454**	**7.843.230.454**
			Số dư cuối kỳ				-	-

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.4

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S31 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp

Số hiệu: 333

Đơn vị tính : đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					…
….	…..	…….	…….	…….	……	…..	……	……
9/12	98850	16/12	Bán cho Công ty CP cơ khí Sơn La			131		23.954.086
….	…..	…….	…….	…….	……	…..	……	……
31/12			Kết chuyển			133	918.877.336	
			Cộng SPS				**918.877.336**	**784.323.059**
			Số dư cuối kỳ				**134.554.277**	

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S31 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty Cổ phần cơ khí Sơn La

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư ĐK					**1.637.185.238**	
			SPS						
8/12			Trả CK	112			200.000.000		
9/12	98850		Bán thép lá	511		263.494.947			
			…	…		…	…		
			Cộng SPS			**2.997.914.880**	**1.000.000.000**		
			Số dư CK						**1.997.914.880**

- Sổ này có 07 trang
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

2.2.2.Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

2.2.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán :

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 của tháng đó, kế toán xác định giá vốn, chính bằng toàn bộ giá trị xuất kho của hàng hóa đó. Kế toán sử dụng TK 156 để tập hợp giá vốn, rồi sau đó kết chuyển thẳng sang TK 632.

Sổ sách kế toán:

+ Sổ nhật ký chung
+ Sổ cái TK 632,156, 911
+ Phiếu xuất kho

Tài khoản sử dụng:

+ TK 632: Giá vốn hàng bán
+ TK 156: Hàng hóa

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

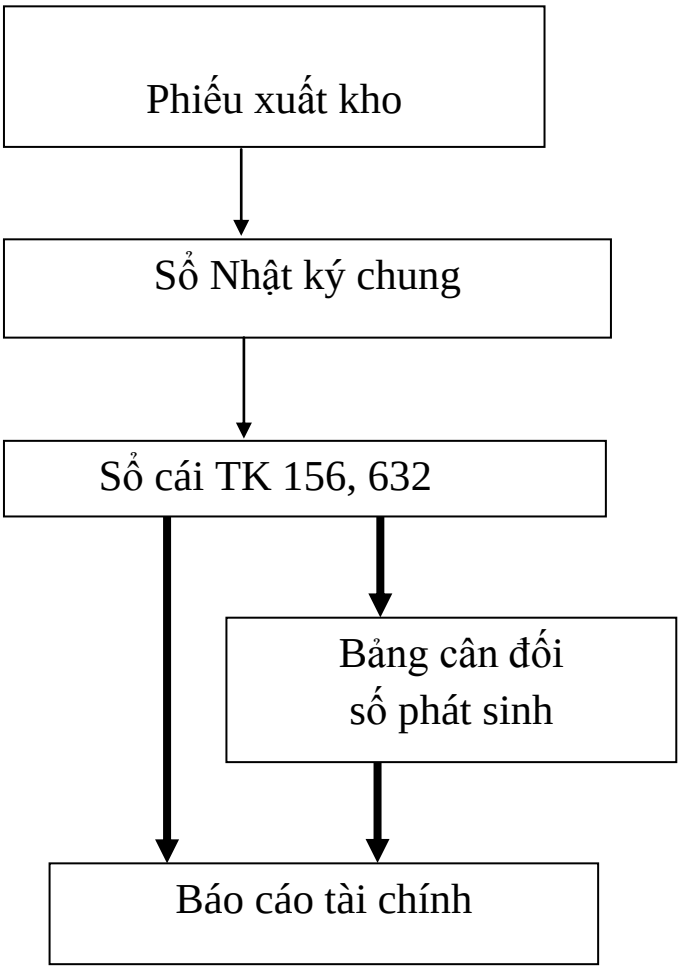

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

∗ **Ví dụ 2 : Lấy tiếp ví dụ 1**

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Từ phiếu xuất kho, kế toán váo sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 632 (Ví dụ trên) theo định khoản sau :

Nợ TK 632 : 215.744.820

Có TK 156 : 215.744.820

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S31 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	có
1/12	PC1/12	1/12	Trả tiền thay dầu, lọc dầu			642 133 111	680.000 68.000	 748.000
3/12	92763	03/12	Mua hàng của công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			156 331	363.120.109	 363.120.109
7/12			Trả cty Xuân Hòa bằng TGNH			331 112	121.415.571	 121.415.571
9/12	**98850**	**16/12**	**Giá vốn hàng bán cho cty CP cơ khí Sơn La**			**632 156**	**215.744.820**	 **215.744.820**
			Bán cho cty CP cơ khí Sơn La			131 511 3331	263.494.947	 239.540.861 23.954.086
10/12	PT4/12	10/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt			111 112	50.000.000	 50.000.000
…	…	…	…			…	…	…
13/12			Cty TLC trả nợ bằng TGNH			112 131	150.000.000	 150.000.000
23/12		23/12	Giá vốn bán cho cty CP thép Sao Biển			632 156	454.143.600	 454.143.600
23/12	98868	23/12	Doanh thu bán cho cty CP thép Sao Biển			131 511 3331	500.081.071	 454.619.156 45.461.915

…	…	…	…			…	…	…
31/12			Lãi tiền gửi VNĐ			112 515	4.239.739	 4.239.739
31/12	PC25/12	31/12	Trả lương CNV			334 111	55.700.000	 55.700.000
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Sổ này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.7

Đơn vị: **Công ty CP KD & DV VT KT số 1**
Địa chỉ: **10B Chợ Con-LC-HP**

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2010
Số: 05/12

Mẫu số 02-VT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC
Nợ: TK 632
Có: TK 155

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh Sơn
Lý do xuất kho: xuất bán
Xuất tại kho(ngăn lô): xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	**B**	**C**	**D**	**1**	**2**	**3**	**4**
1	Thép lá kiện		kg		17.450	12.363,6	215.744.820
2							
3							
4							
	Cộng						**215.744.820**

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi đồng chẵn./

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1
Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S12 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Mở sổ ngày 03 tháng 12 năm 2010

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép lá cuộn
Đơn vị tính: kg
Mã số:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
3/12	92763	3/12	Mua - Cty TNHH thiết bị điện Ngũ Phúc	331	12.363,64	29.370	363.120.109			29.370	363.120.109
9/12	98850	6/12	Bán - Cty CP cơ khí Sơn La	632	12.363,64			17.450	215.744.820	11.920	147.375.289
			Cộng			**29.370**	**363.120.109**	**17.450**	**215.744.820**	**11.920**	**147.375.289**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký họ, tên)	(Ký họ, tên)	(Ký họ, tên)

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

Năm: 12/2010

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu: 156

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				**2.613.830.023**	
…	…	…	Số phát sinh …			…	…	…
3/12	92763	3/12	Mua hàng của Công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			331	363.120.109	
…	…	…	…			…	…	…
7/12	98850	7/12	Bán cho Công ty CP Cơ khí Sơn La			632		215.744.820
…	…	…	…			…	…	…
			Cộng số phát sinh				**4.870.401.001**	**3.430.335.728**
			Số dư cuối kỳ				**4.053.895.296**	

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.9

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 156
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
…	…	…	…	…	…
	Thép lá	-	594.267.153	446.891.864	147.375.289
…	Thép XD	598.264.108	1.987.512.445	1.584.354.110	1.001.422.443
…	…	…	…	…	…
	Cộng	**2.613.830.023**	**4.870.401.001**	**3.430.335.728**	**4.053.895.296**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.10

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S07a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT

Tài khoản : 156 (1)

Tên TK: Thép các loại

Năm: 12/2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NK			Nợ	Có
			Số tồn đầu kỳ		**-**	
…	…		Số phát sinh …		…	
3/12	92763	3112	Mua hàng Cty thiết bị điện Ngũ Phúc	331	363.120.109	
…	…		…		…	
7/12	98850	7/12	Bán cho Công ty CP Cơ khí Sơn La	632		215.744.820
…	…		…		…	
			Cộng số phát sinh		**594.267.153**	**446.891.864**
			Số dư cuối kỳ		**147.375.289**	

- Sổ này có 15 trang, đánh số từ 1 đến 15
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.11

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
3/12			CF xe ô tô T11/2010			111	350.000	
…	…	…	…			…	…	
22/12	35449	22/12	Trả tiền xăng			111	6.000.000	
25/12	69301	25/12	Trả tiền dầu			111	3.713.455	
31/12			CF xe ô tô T12/2010			111	420.000	
31/12			Bán-cty XD DV Ngô Quyền			156	67.979.995	
31/12			Bán-cty CP Đà Nẵng			156	119.539.970	
31/12			Kết chuyển			911		7.689.993.947
			Cộng SPS				**7.689.993.947**	**7.689.993.947**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 10 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng:

Đối với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán dùng tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các loại chi phí :

+ Lương cán bộ công nhân viên hợp đồng
+ Chi phí xăng xe ô tô phục vụ bán hàng
+ Chi phí trích khấu hao TSCĐ kho chứa hàng, cửa hàng, xe ô tô phục vụ bán hàng.
+ Các chi phí phát sinh tại cửa hàng, chi phí văn phòng phục vụ công tác bán hàng.

Chứng từ sổ sách sử dụng :

+ Các chứng từ thánh toán : Phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT
+ Bảng thanh toán lương
+ Bảng trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng
+ Sổ nhật ký chung
+ Sổ cái TK 641,111,112.....

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

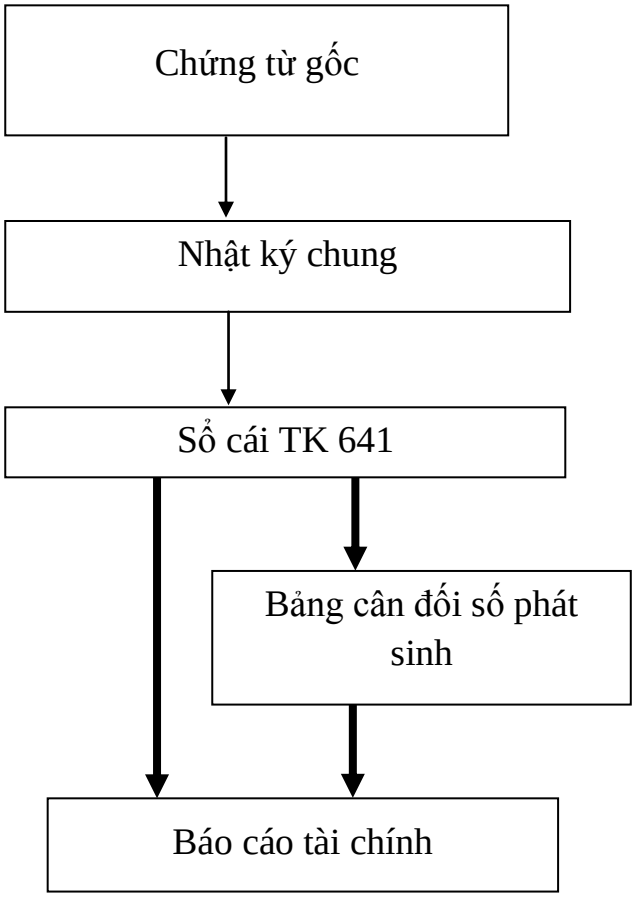

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi hàng tháng :

* **Ví dụ 3 :** Hóa đơn GTGT số 0040304 cước vận chuyển, bốc xếp từ ngày 01/01/2011 đến ngày 09/12/2011 của công ty TNHH TM và vận tải Tuấn Cường trị giá 112.000.000đ (chưa VAT 10%), chưa thanh toán.

Từ hóa đơn GTGT trên, kế toán vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ cái TK 133, sổ chi tiết thanh toán với người bán, cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 theo định khoản sau :

Nợ TK 632 : 5.000.000
Nợ TK 641 : 107.000.000
Nợ TK 133 : 11.200.000
Có TK 331 : 123.200.000

Biểu số 2.12

HÓA ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** **Liên 2 : Giao khách hàng** *Ngày 11 tháng 12 năm 2010*	Mẫu số: 01 GTKT-3LL QV/2010B 0040304

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM và vận tải Tuấn Cường
Địa chỉ: Số 249 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số tài khoản:……
Điện thoại:……. MS: 0 2 | 0 0 5 9 0 8 7 | 8 | - - -

Họ tên người mua hàng:……..
Tên đơn vị: Công ty CP KD và DV vật tư KT số 1
Địa chỉ: Số 10B Chợ Con, Lê Chân, Hải Phòng
Số tài khoản:……
Hình thức thanh toán: TM. MS: 0 2 | 0 0 5 8 1 5 1 | 3 | - - -

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
	Cước vận chuyển, bốc xếp				
	- Hàng nhập				5.000.000
	- Hàng xuất				107.000.000
Cộng tiền hàng					112.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					11.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					**123.200.000**

Số viết bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.13

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	có
1/12	PC1/12	1/12	Trả tiền thay dầu, lọc dầu			642 133 111	680.000 68.000	 748.000
3/12	92763	03/12	Mua hàng của công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			156 331	363.120.109	 363.120.109
7/12			Trả cty Xuân Hòa bằng TGNH			331 112	121.415.571	 121.415.571
09/12	98850	16/12	Giá vốn hàng bán cho cty CP cơ khí Sơn La			632 156	215.744.820	 215.744.820
			Bán cho cty CP cơ khí Sơn La			131 511 3331	263.494.947	 239.540.861 23.954.086
10/12	PT4/12	10/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt			111 112	50.000.000	 50.000.000
11/12	**40304**	**7/12**	**Cước VT – Cty TNHH TM Tuấn Cường**			**632** **641** **133** **331**	**5.000.000** **107.000.000** **11.200.000**	 **123.200.000**
13/12			Cty TLC trả nợ bằng TGNH			112 131	150.000.000	 150.000.000

23/12		23/12	Giá vốn bán cho cty CP thép Sao Biển			632 156	454.143.600	 454.143.600
23/12	98868	23/12	Doanh thu bán cho cty CP thép Sao Biển			131 511 3331	500.081.071	 454.619.156 45.461.915
…	…	…	…			…	…	…
31/12			Lãi tiền gửi VNĐ			112 515	4.239.739	 4.239.739
31/12	PC25/12	31/12	Trả lương CNV			334 111	55.700.000	 55.700.000
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Số này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.14

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
…	…	…	…			…	…	…
11/12			Cước vận tải			331	107.000.000	
…	…	…	…			…	…	…
31/12			Cước vận chuyển			331	18.000.000	
31/12			Kết chuyển			911		125.000.000
			Cộng SPS				**125.000.000**	**125.000.000**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.15

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S31 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản : 331

Đối tượng : Công ty TNHH TM và vận tải Tuấn Cường

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư ĐK					-	
			SPS						
…	…	…	…	…	…	…	…		
11/12	40304	11/12	Cước VT	331			123.200.000		
			Cộng SPS			**1.365.500.000**	**1.479.700.000**		
			Số dư CK						**123.200.000**

- Sổ này có 12 trang
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác....

Các chứng từ sổ sách sử dụng :

+ Phiếu chi
+ Hoá đơn GTGT
+ Lệnh chi
+ Sổ cái TK 642,112....

Các tài khoản sử dụng :

+ TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 2.8.Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

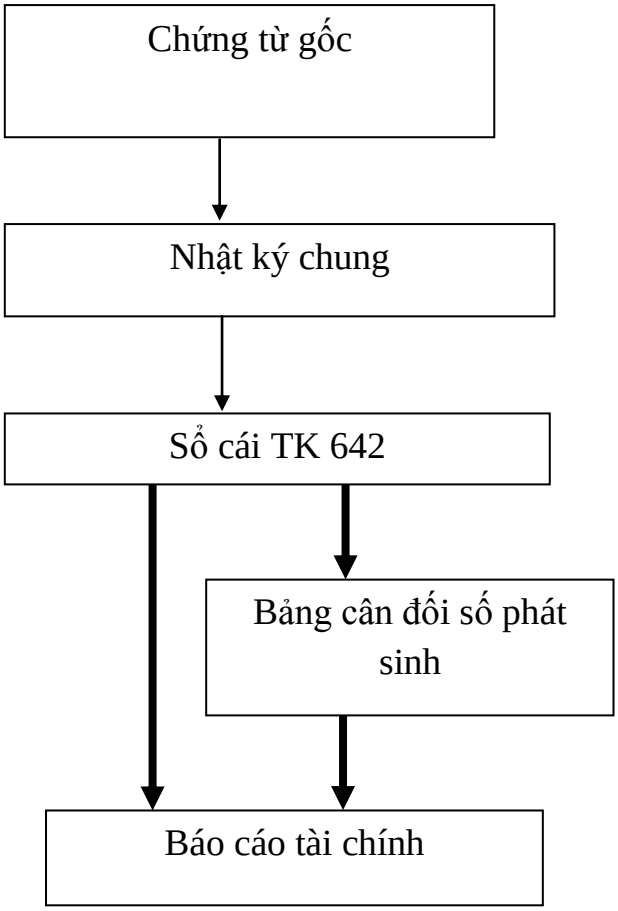

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

*** Ví dụ 3 :** Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cố định của Tổng công ty viễn thông Quân Đội tháng 11/2011 cho bộ phận quản lý DN theo hóa đơn số 6046930, số tiền là 222.749đ (chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

Từ hóa đơn GTGT nhận được, kế toán viết phiếu chi, vào sổ quỹ tiền mặt, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642. Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 theo định khoản sau :

Nợ TK 642 : 222.749

Nợ TK 133 : 22.275

Có TK 111 : 245.024

Biểu số 2.16

CÔNG TY CP KD & DV VT KT SỐ 1
10B Chợ Con – Trại Cau - LC - HP

PHIẾU CHI **Quyển số 06**

Mẫu số 02-TT
QĐ số15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

Ngày 20 tháng 12 năm 2010 **Số :** PC048
NỢ: 642-133
CÓ: 111

Họ, tên người nộp tiền: *Vũ Thị Thanh*
Địa chỉ: Bộ phận quản lý
Lý do thu: *Trả cước điện thoại cố định tháng 11/2011*
Số tiền: 245.024 (đ)
Viết bằng chữ: *Hai trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi tư đồng chẵn./*
Kèm theo: *01* **Chứng từ kế toán**

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	***Kế toán trưởng***	***Người lập***	***Người nhận tiền***	***Thủ quỹ***
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.17

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	có
1/12	PC1/12	1/12	Trả tiền thay dầu, lọc dầu			642 133 111	680.000 68.000	 748.000
3/12	92763	03/12	Mua hàng của công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			156 331	363.120.109	 363.120.109
7/12			Trả cty Xuân Hòa bằng TGNH			331 112	121.415.571	 121.415.571
09/12	98850	16/12	Giá vốn hàng bán cho cty CP cơ khí Sơn La			632 156	215.744.820	 215.744.820
			Bán cho cty CP cơ khí Sơn La			131 511 3331	263.494.947	 239.540.861 23.954.086
10/12	PT4/12	10/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt			111 112	50.000.000	 50.000.000
11/12	40304	7/12	Cước VT – Cty TNHH TM Tuấn Cường			632 641 133 331	5.000.000 107.000.000 11.200.000	 123.200.000
20/12			**Tiền cước ĐT bàn T11/2011**			**642 133 111**	**222.749 22.275**	 **245.024**

23/12		23/12	Giá vốn bán cho cty CP thép Sao Biển			632 156	454.143.600	 454.143.600
23/12	98868	23/12	Doanh thu bán cho cty CP thép Sao Biển			131 511 3331	500.081.071	 454.619.156 45.461.915
…	…	…	…			…	…	…
31/12			Lãi tiền gửi VNĐ			112 515	4.239.739	 4.239.739
31/12	PC25/12	31/12	Trả lương CNV			334 111	55.700.000	 55.700.000
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Sổ này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.18

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí QLDN

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
…	…	…	…			…	…	…
9/12			Phí DV Vietinbank			1121a	33.000.000	
…	…	…	…			…	…	…
…	…	…	…			…	…	…
20/12			Cước ĐT bàn T11/2010			111	222.749	
31/12			Trích KH TSCĐ Q4/2010			2141	20.164.535	
31/12			Phân bổ lương vào CF			334	334.600.000	
31/12			Trích BHXH,BHYT			338	16.419.600	
31/12			Kết chuyển			911		402.146.424
			Cộng SPS				**402.146.424**	**402.146.424**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 02 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Thu nhập hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính là lãi tiền vay ngân hàng.

***Tài khoản sử dụng* :**

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
+ TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính

1 số chứng từ sử dụng :

+ Giấy báo có
+ Giấy báo lãi
+ Bản sao kê của ngân hàng

Sơ đồ 2.9.Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1:

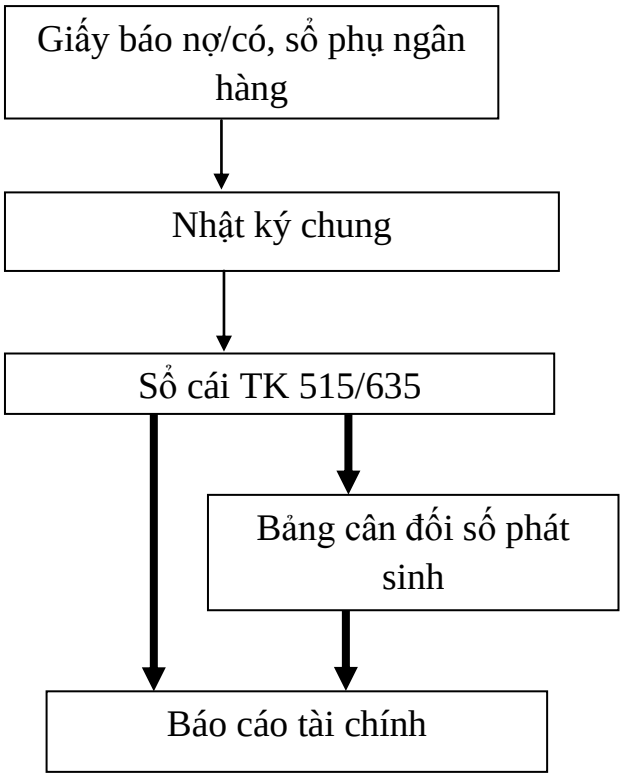

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

∗ **Ví dụ 4 :** Ngày 17/12/2010, DN nhận được giấy báo có của ngân hàng Viettinbank về lãi tiền gửi VNĐ mà DN nhận được là 7.000.000đ

Từ giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515 theo định khoản sau :

Nợ TK 1121a : 7.000.000

Có TK 515 : 7.000.000

*** Ví dụ 5 :** Ngày 31/12/2011, DN nhận được giấy báo nợ của ngân hàng VIBank về lãi nhận nợ khế ước số 819.01 là 11.890.395

Từ giấy báo nợ, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635 theo định khoản sau :

Nợ TK 635 : 11.890.395

Có TK 1121b : 11.890.395

Biểu số 2.19

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	có
1/12	PC1/12	1/12	Trả tiền thay dầu, lọc dầu			642 133 111	680.000 68.000	 748.000
3/12	92763	03/12	Mua hàng của công ty thiết bị điện Ngũ Phúc			156 331	363.120.109	 363.120.109
7/12			Trả cty Xuân Hòa bằng TGNH			331 112	121.415.571	 121.415.571
09/12	98850	16/12	Giá vốn hàng bán cho cty CP cơ khí Sơn La			632 156	215.744.820	 215.744.820
			Bán cho cty CP cơ khí Sơn La			131 511 3331	263.494.947	 239.540.861 23.954.086
10/12	PT4/12	10/12	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt			111 112	50.000.000	 50.000.000
17/12	**BC01/12**	**17/12**	**Lãi tiền gửi VNĐ – NH Viettinbank**			**1121a 515**	**7.000.000**	 **7.000.000**
20/12			Tiền cước ĐT bàn T11/2011			642 133 111	222.749 22.275	 245.024
23/12		23/12	Giá vốn bán cho cty CP thép Sao Biển			632 156	454.143.600	 454.143.600

23/12	98868	23/12	Doanh thu bán cho cty CP thép Sao Biển			131 511 3331	500.081.071	 454.619.156 45.461.915
…	…	…	…			…	…	…
31/12			**Lãi khế ước 819.01 – NH VIBank**			**635 1121b**	**11.890.395**	** 11.890.395**
31/12	PC25/12	31/12	Trả lương CNV			334 111	55.700.000	 55.700.000
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Sổ này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.20

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu TC

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…		…
17/12			Lãi tiền gửi Vietinbank			1121a		7.000.000
23/12			Lãi tiền gửi Vietinbank			1121a		2.450.000
31/12			Lãi tiền gửi Vietinbank			1121a		4.239.739
31/12			Lãi tiền gửi USD Vietinbank			1122		760
31/12			Lãi tiền gửi VIBank			1121b		279.714
31/12			Kết chuyển			911	13.970.213	
			Cộng SPS				**13.970.213**	**13.970.213**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.21

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động TC

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
31/12	PC12/27		Trả lãi vay T12/2010			111	7.440.000	
31/12	NH12/VIB		Thu đến hạn khế ước 819.01			1121b	11.890.395	
31/12	NH12/VIB		Thu đến hạn khế ước 819.02			1121b	7.639.707	
31/12	NH12/VIB		Thu đến hạn khế ước 819.03			1121b	4.775.775	
31/12	NH12/VIB		Trả lãi khế ước 819.01			1121b	11.494.049	
31/12			Kết chuyển			911		43.239.926
			Cộng SPS				**43.239.926**	**43.239.926**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau: Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421. Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu "Lãi" hoặc "Lỗ". Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Sơ đồ 2.10.Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

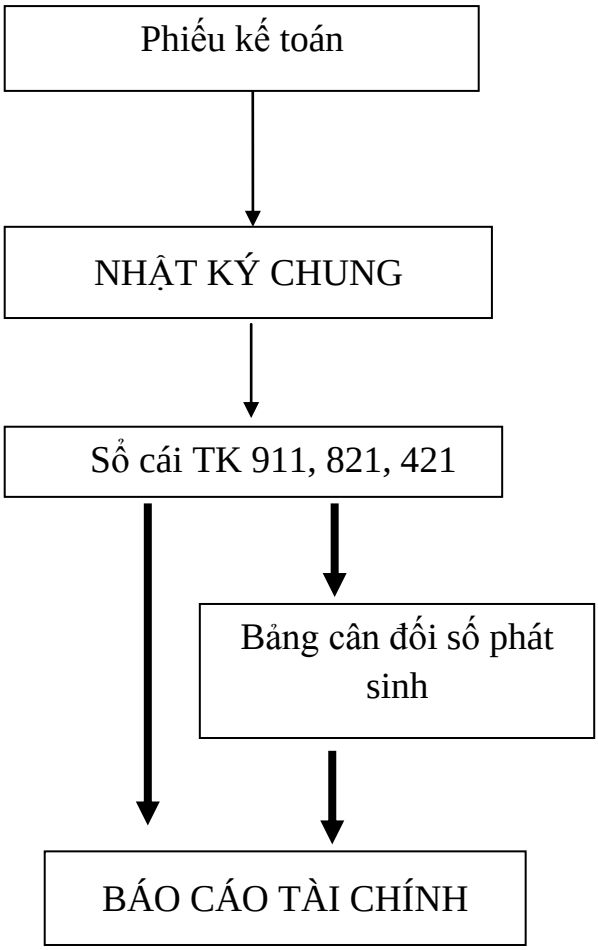

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

*** Ví dụ 6 :** Cuối tháng 12, công ty thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

Kết chuyển doanh thu gồm: doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 511 : 7.843.230.454

Nợ TK 515 : 13.970.213

Có TK 911 : 7.857.200.667

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

Kết chuyển chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính.

Nợ TK 911 : 8.260.380.297

Có TK 632 : 7.689.993.947

Có TK 635 : 43.239.926

Có TK 641 : 125.000.000

Có TK 642 : 402.146.424

Kết quả tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ = Doanh thu – Chi phí

= 7.857.200.667 – 8.260.380.297

= - 403.179.630

Kết chuyển lỗ :

Nợ TK 421 : 403.179.630

Có TK 911 : 403.179.630

Sơ đồ 2.11: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

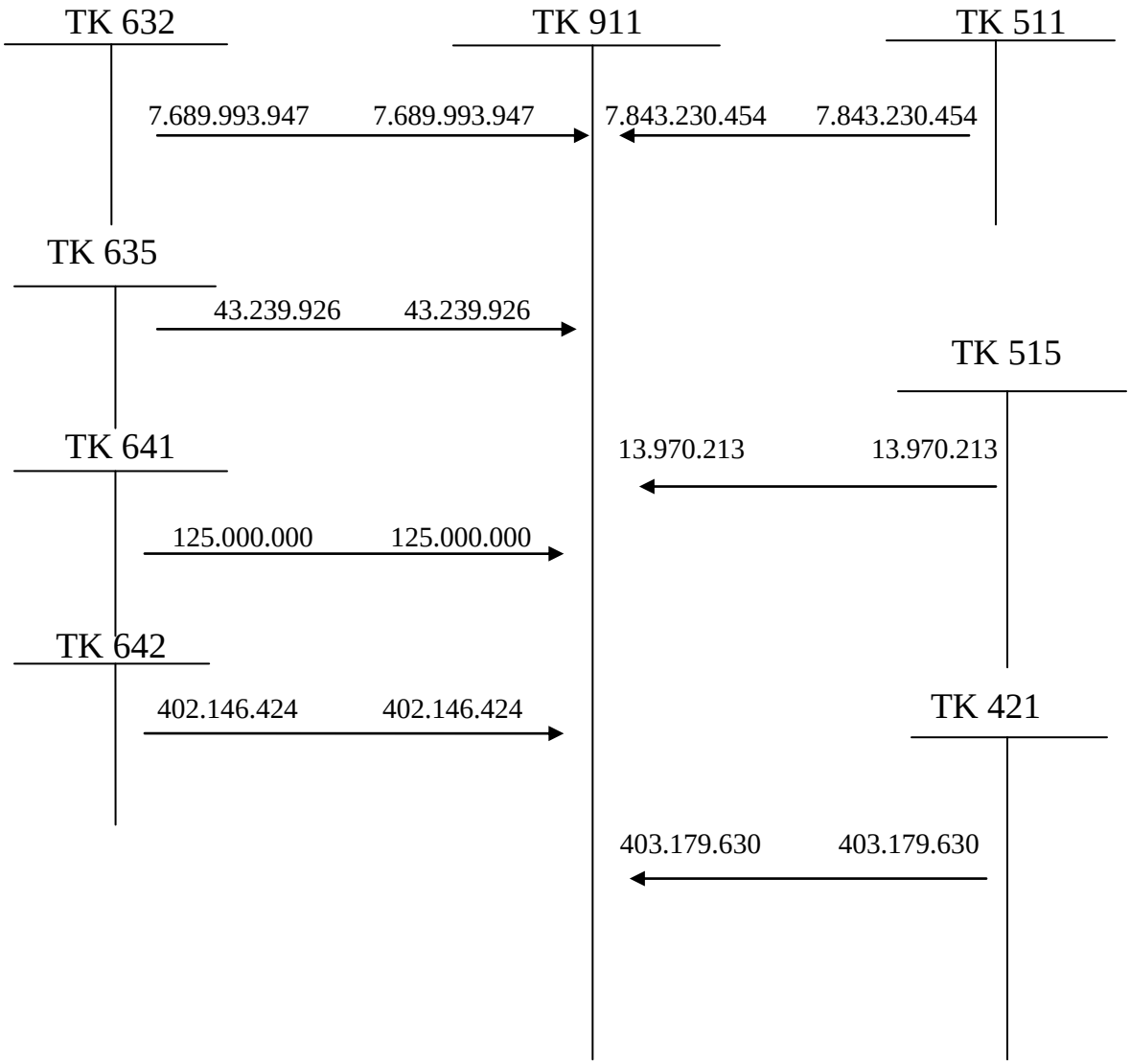

Biểu số 2.22

Công ty CP KD & DV VT KT số 1
10B Chợ Con-Trại Cau-LC-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT01

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần tháng 12	511	911	7.843.230.454
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 12	515	911	13.970.213
	Cộng			**7.857.200.667**

Người lập *(chữ ký,họ tên)*

Kế toán trưởng *(chữ ký,họ tên)*

Giám đốc *(chữ ký,họ tên)*

Biểu số 2.23

Công ty CP KD & DV VT KT số 1
10B Chợ Con-Trại Cau-LC-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT02

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 12	632	911	7.843.230.454
2	Kết chuyển chi phí hoạt động TC tháng 12	635	911	13.970.213
3	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng 12	641	911	125.000.000
4	Kết chuyển chi phí quản lý DN tháng 12	642	911	402.146.424
	Cộng			**8.260.380.297**

Người lập *(chữ ký,họ tên)*

Kế toán trưởng *(chữ ký,họ tên)*

Giám đốc *(chữ ký,họ tên)*

Biểu số 2.24

Công ty CP KD & DV VT KT số 1

10B Chợ Con-Trại Cau-LC-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT03

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lỗ tháng 12	421	911	403.179.630
	Cộng			**403.179.630**

Người lập *(chữ ký,họ tên)*

Kế toán trưởng *(chữ ký,họ tên)*

Giám đốc *(chữ ký,họ tên)*

Biểu số 2.25

Đơn vị: Công ty CP kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 10B Chợ Con - Trại Cau – Lê Chân

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
…	…	…	…	…	…	…	…	…
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu			511 515 911	 7.857.200.667	7.843.230.454 13.970.213
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí			911 632 641 642 635	8.260.380.297	 7.689.993.947 125.000.000 402.146.424 43.239.926
31/12		31/12	Kết chuyển lỗ			421 911	403.179.630	 403.179.630
			Cộng số phát sinh				**113.351.775.043**	**113.351.775.043**

- Sổ này có 115 trang đánh số từ 1 đến 115
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.26

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
31/12			Kết chuyển DT BH & cung cấp DV			511		7.843.230.454
31/12			Kết chuyển DT hoạt động TC			515		13.970.213
31/12			Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	7.689.993.947	
31/12			Kết chuyển chi phí TC			635	43.239.926	
31/12			Kết chuyển CF bán hàng			641	125.000.000	
31/12			Kết chuyển CF QLDN			642	402.146.424	
31/12			Kết chuyển lỗ			421	403.179.630	
			Cộng SPS				**8.260.380.297**	**8.260.380.297**
			Số dư CK				-	-

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.27

Đơn vị: Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

Địa chỉ: 108 Lê Lợi - Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Kế toán Nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư ĐK					**683.036.020**
31/12			Kết chuyển lỗ			911	403.179.630	
			Cộng SPS				**403.179.630**	
			Số dư CK				-	**279.856.390**

- Sổ này có 01 trang
- Ngày mở sổ: 01/12/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.28

Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh
Và Dịch Vụ Vật Tư Kỹ Thuật Số 1

Mẫu số B02 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.25**	**59.593.853.496**	**51.798.769.778**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		59.593.853.496	51.798.769.778
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.27	57.653.322.231	49.670.969.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		1.940.531.265	2.127.800.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VI.26	137.169.048	84.368.238
7. Chi phí tài chính	**22**	VI.28	147.852.641	319.255.160
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		147.852.641	319.255.160
8. Chi phí bán hàng	**24**		774.615.696	744.032.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		1.108.277.779	1.012.371.829
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		46.954.197	136.509.036
11. Thu nhập khác	**31**			104.427
12. Chi phí khác	**32**			88.414.649
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**			(88.310.222)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		46.954.197	48.198.814
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	**60**		46.954.197	48.198.814
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**			

Lập, ngày ... tháng ... năm 2010

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ VẬT TƯ KỸ THUẬT SỐ 1

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh,tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một

cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán " Nhật ký chung" , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yên cầu quản lý của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp binh quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nàh nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm đúng thời hạn quy đinh. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển

chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng vế một lúc.

Về phương thức hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo....Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán...cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi cón có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi quấn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghệp ngày càng phát triển.

3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 :

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng

công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.4. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1:

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.5. Các biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1:

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phuc thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.5.1.Kiến nghị 1: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Hiện nay, tại công ty, từ công việc hạc toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, việc làm các sổ nhật ký, sổ chi tiết đến việc đưa ra các báo cáo tài chính đều thao tác trên Excel. Việc tổ chức kế toán trên Excel có nhiều nhược điểm như :

- Dung lượng trên Excel nhỏ hơn nhiều so với một phần mềm kế toán.
- Làm kế toán trên Excel chỉ là một file tại một thời điểm.
- Dữ liệu kế toán trên Excel phải lưu làm nhiều file, dữ liệu lớn hơn 5Mb thì mở ra rất chậm.
- Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường và các phân tích chỉ mang tính thống kê, mang tính quản trị là rất khó.
- Độ bảo mật dữ liệu là không cao.

Bởi vậy, để tiết kiệm thời gian làm việc và tăng độ chính xác của các báo cáo tài chính, công ty nên xem xét, nghiên cứu sử dụng phần mềm kế toán.

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khối công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của

công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiểu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc "Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán") hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Phần mềm được sử dụng phổ biến nhất hiện nay là phần mềm kế toán **Misa 7.9**

***** Phần mềm **Misa 7.9** có các tính năng vượt trội như sau :

+ Được tiêu chuẩn hóa : phần mềm kế toán Misa 7.9 được xây dựng thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời hàng tháng thường xuyên được cập nhật các quy định mới nhất của chế độ kế toán.

+ Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp : phần mềm kế toán Misa 7.9 đầy đủ các phân hệ như bán hàng, mua hàng, quản lý kho, ngân hàng, quản lý quỹ, tiền lương, TSCĐ, thuế, hợp đồng, giá thành. Tất cả đều thống nhất và có sự liên kết chặt chẽ cho phép quản trị doanh nghiệp một cách tổng thể và chi tiết.

+ Hiệu quả vượt trội, tính động cao : phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công, đem lại khối lượng, chất lượng công việc cao bởi Misa có chức năng tự động giúp người dùng giảm thiểu các sai sót về nghiệp vụ. Phần mềm này cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kỳ dựa trên các thông tin đã khai báo. Có thể sửa dễ dàng khi có sai sót.

+ Đơn giản, đầy đủ và dễ sử dụng : phần mềm đơn giản, dễ sử dụng nhưng có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người xem đi từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất kỳ thời điểm nào.

+ Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối : phần mềm kế toán có hệ thống quản lý người dùng và quyền hạn làm việc được chi tiết cụ thể cho từng đối tượng công việc : nhập chứng từ gốc, xem báo cáo cho từng người.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp,giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.5.2.Kiến nghị 2: Công ty cần mở thêm TK 521 " Chiết khấu thương mại " để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Hiện nay, tại công ty có phát sinh khoản chiết khấu thương mại nhưng kế toán không mở và phản ánh vào TK 521 mà lại hạch toán vào TK 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " . Việc làm này gây khó khăn trong việc hạch toán, khiến việc xác định doanh thu thuần, thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế không được chính xác. Trong khi đó, việc sử dụng TK 521 lại có thể giúp công ty khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, giữ chân được khách hàng lâu năm và thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng để tăng được doanh thu, lợi nhuận.

Bởi vậy, công ty cần mở thêm TK 521 " Chiết khấu thương mại "

Ví dụ : Ngày 05/07/2010, công ty có bán 100 tấn thép cuộn cho Công ty TNHH TM Đan Việt với trị giá đã có thuế GTGT 10% lên tới 2.500.000.000đ

Công ty chấp nhận cho bên Đan Việt hưởng chiết khấu thương mại là 1%.

Vậy số tiền chiết khấu là :

2.500.000.000 x 1% = 25.000.000đ

Tuy nhiên, kế toán tại công ty không phản ánh vào TK 521 mà lại ghi giảm trực tiếp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, định khoản như sau :

Nợ TK 511 : 22.727.273

Nợ TK 3331 : 2.272.727

Có TK 131 : 25.000.000

Theo em, công ty nên mở TK 521 và phản ánh như sau :

Nợ TK 521 : 22.727.273

Nợ TK 3331 : 2.272.727

Có TK 131 : 25.000.000

Cuối kỳ, thực hiện kết chuyển chiết khấu thương mại :

Nợ TK 511 : 22.727.273

Có TK 521 : 22.727.273

3.5.3.Kiến nghị 3: Công ty nên mở TK 531 " Hàng bán bị trả lại " để phản ánh số lượng và giá trị hàng bị khách hàng trả lại

Hiện nay tại công ty có nhiều trường hợp khách hàng trả lại hàng với lý do hàng hóa, sản phẩm có sai sót kỹ thuật. Kế toán tại công ty lại phản ánh số hàng bán bị trả lại đó vào TK 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ". Việc xác định doanh thu thuần, thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế cũng không được chính xác.

Bởi vậy, công ty cần mở thêm TK 531 " Hàng bán bị trả lại "

Ví dụ : Ngày 16/08/2010, công ty chấp nhận cho công ty Cổ phần công trình Đà Nẵng trả lại 01 tấn thép XD. Đơn giá xuất kho là 16.000đ/kg, đơn giá bán đã có thuế GTGT 10% là 18.500đ/kg. Công ty trừ vào khoản phải thu của công ty Cổ phần công trình Đà Nẵng.

Tuy nhiên, kế toán tại công ty không mở và phản ánh vào TK 531 mà lại tiến hành định khoản như sau :

Ghi giảm giá vốn hàng bán :

Nợ TK 156 : 16.000.000

Có TK 632 : 16.000.000

Phản ánh khoản giảm trừ doanh thu :

Nợ TK 511 : 16.818.182

Nợ TK 3331 : 1.681.818

Có TK 131 : 18.500.000

Theo em, kế toán nên mở TK 531 và phản ánh như sau :

Ghi giảm giá vốn hàng bán :

Nợ TK 156 : 16.000.000

Có TK 632 : 16.000.000

Phản ánh khoản giảm trừ doanh thu :

Nợ TK 511 : 16.818.182

Nợ TK 3331 : 1.681.818

Có TK 131 : 18.500.000

Cuối kỳ, kết chuyển hàng bán bị trả lại :

Nợ TK 511 : 16.818.182

Có TK 531 : 16.818.182

3.5.4.Kiến nghị 4: Công ty nên mở thêm TK 532 " Giảm giá hàng bán " để phản ánh số tiền giảm cho khách hàng vì hàng hóa, sản phẩm bị sai sót

Hiện nay, tại công ty cũng phát sinh một số nghiệp vụ giảm giá bán cho khách hàng vì sản phẩm, hàng hóa có sai sót kỹ thuật. Nhưng kế toán lại phản ánh vào TK 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ". Việc làm này gây khó khăn khi xác định doanh thu, thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế.

Bởi vậy, công ty nên mở thêm TK 532.

Ví dụ : Ngày 15/09/2011, công ty tiến hành giao hàng tại kho cho Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải. Do 10 bao hàng 25kg/bao bị rách mép nên công ty quyết định giảm giá cho Công ty nhựa Ngọc Hải. Số tiền giảm là 2.150.000đ

Cũng tương tự như 2 tài khoản trên, kế toán cũng không mở và phản ánh vào TK 532 mà lại định khoản như sau :

Nợ TK 511 : 2.150.000

Nợ TK 3331 : 215.000

Có TK 111 : 2.365.000

Theo em, kế toán nên sử dụng TK 532, định khoản như sau :

Nợ TK 532 : 2.150.000

Nợ TK 3331 : 215.000

Có TK 111 : 2.365.000

Cuối kỳ, kết chuyển khoản giảm trừ doanh thu :

Nợ TK 511 : 2.150.000

Có TK 532 : 2.150.000

3.5.5.Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, do đặc thù hàng hóa là thép XD thường bán chạy vào khoảng thời gian đầu năm, trong khi đó thời gian còn lại doanh số tiêu thụ ít hơn và giảm mạnh vào các tháng ngâu, công ty nên mở TK 139 – "dự phòng phải thu khó đòi" là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

- **Phương pháp hạch toán:**

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642 : chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139 : trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành).Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139 : dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: khoản nợ thu hồi được

Có TK 711 : thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1 cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhân thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Nguyễn Xuân Năm đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thấy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Ngọc Thúy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ 4 đã chỉnh lý bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)

3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội)

4. Các khoá luận năm trước

5. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty Cổ phần kinh doanh và dịch vụ vật tư kỹ thuật số 1

6. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – nhà xuất bản tài chính)